

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/DS-ST**

Ngày: 08-3-2021

“Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cường

Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Gia Mập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Hằng – Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 40/2021/TLST- DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn 5, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn A, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn KK, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trương Duy Trường Ph, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2021; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15/3/2020 ông Nguyễn Quang T có cho ông Trương Duy Trường Ph vay số tiền 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), hai bên có lập 01

giấy cam kết do ông Ph ký tên, thời hạn vay đến tháng 11/2020 trả tiền, lãi suất thỏa thuận ngoài hợp đồng bằng lãi suất ngân hàng Agribank. Đến hạn trả nợ thì ông Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết, ông T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Ph trả tiền nhưng từ khi vay cho đến nay thì ông T chưa trả cho ông T số tiền gốc và lãi suất nào cả. Nay ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ph phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông T số tiền gốc 175.000.000 đồng và lãi suất theo mức lãi suất là 1,66%/tháng, thời gian tính lãi suất từ ngày 15/3/2020 cho đến khi kết thúc vụ án,

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện về tính lãi suất với mức 0,83%/tháng và thời gian tính lãi từ ngày 01/12/2020 cho đến khi trả hết nợ.

** Bị đơn ông Trương Duy Trường Ph: Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng theo quy định tại các điều 26, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 203, 205, 208, 209, 220, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Trương Duy Trường Ph có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quang T số tiền nợ gốc 175.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản do nguyên đơn ông Nguyễn Quang Tiếp đứng đơn khởi kiện; bị đơn ông Trương Duy Trường Ph có nơi thường trú tại Thôn 6, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập. Theo kết quả xác minh tại Công an xã ĐK, huyện Bù Gia Mập thể hiện: “Ông Trương Duy Trường Ph có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, nhưng hiện ông Ph đã không có mặt tại địa phương và không biết địa chỉ thay đổi của những người trên vì khi đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết”. Như vậy, căn cứ vào kết quả xác minh cho thấy: Hiện

nay ông Ph đã thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc mà không thông báo cho nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú đã ghi là tại xã ĐK, huyện Bù Gia Mập. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn ông Trương Duy Trường Ph đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph

Ông Ph không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về số tiền nợ gốc:

Căn cứ vào giấy cam kết ngày 15/3/2020 thì xác định ông Trương Duy Trường Ph có vay của ông Nguyễn Quang T số tiền 175.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ nhưng ông Ph không trả nợ cho ông T. Xét hợp giấy cam kết ngày 15/3/2020 có nội dung ông Ph vay tiền của ông T nên đây được xác định là hợp đồng vay tiền có thời hạn trả nợ, ông Ph có ký tên xác nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ph vắng mặt, Tòa án không làm việc được với ông Ph do đã bỏ đi khỏi địa phương thể hiện sự trốn tránh nghĩa vụ và không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông Trương Duy Trường Ph có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 175.000.000 đồng là có đủ căn cứ nên được chấp nhận.

Về tiền lãi suất: Căn cứ vào giấy cam kết thì trong hợp đồng không thể hiện lãi suất nên đây là hợp đồng vay có thời hạn không lãi suất, ông T yêu cầu ông Ph trả tiền lãi suất từ ngày 01/12/2020 với mức lãi suất 0,83%/tháng. Căn cứ vào khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự thì yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và được chấp nhận.

Số tiền lãi ông Ph có nghĩa vụ trả nợ cho ông T là 175.000.000đ x 10%/năm x 27 tháng 7 ngày bằng 39.526.000 đồng

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Ph phải nộp theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 96; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 470, 476 của bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T

Buộc ông Trương Duy Trường Ph có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quang T số tiền nợ gốc 175.000.000đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) và số tiền lãi suất 39.526.000đ (*Ba mươi chín triệu năm hai mươi sáu nghìn đồng*).

Tổng số tiền ông Ph phải trả cho ông T số tiền 204.526.000đ (*Hai trawmm lẻ bốn triệu năm tram hai mươi sáu nghìn đồng*)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trương Duy Trường Ph phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.226.300đ (*Mười triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm đồng*).

Trả lại cho ông Nguyễn Quang T số tiền tạm ứng án phí 5.230.000đ (*Năm triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007619 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trương Duy Trường Phong vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ TUYẾT